



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thanh Hoa - Sông Đà

Ngày 30/06/2025	16,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.1%	84.5%	103.9

DT thuần Q2/25
121
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 43.5 55.9%
YoY: ▲ 22.3 22.4%

LN thuần Q2/25
0.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.17 419%
YoY: ▼ 0.27 -56.8%

LN sau thuế Q2/25
0.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.03 13.8%
YoY: ▼ 0.20 -45.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
1.2%
YoY: +/- ▼ 0.2%

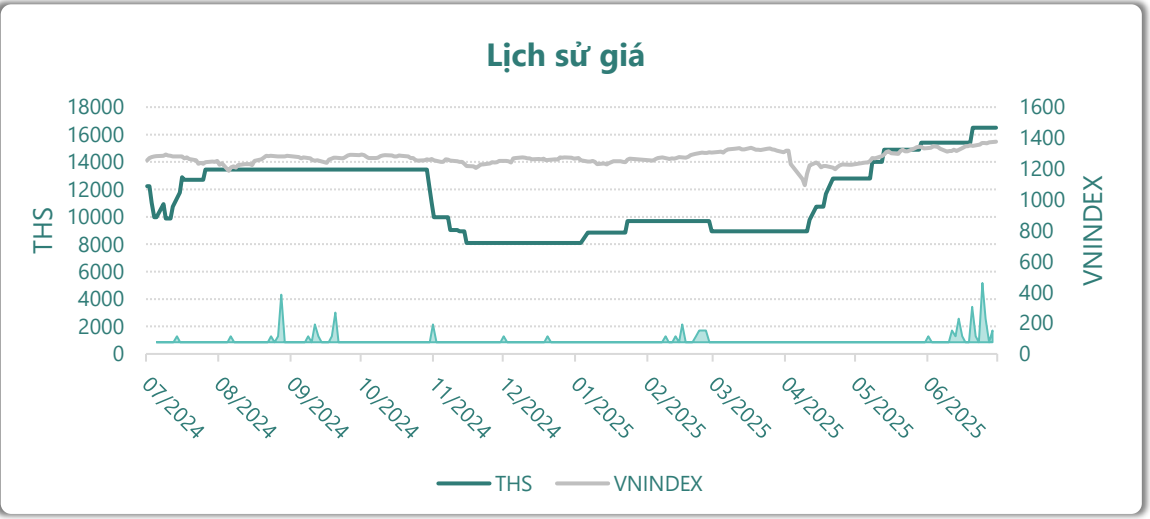
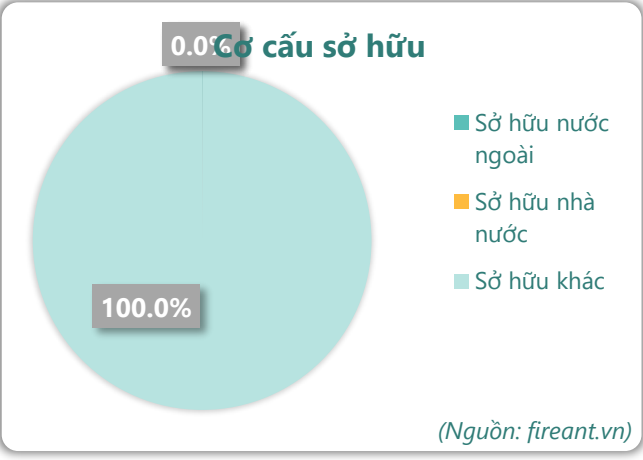
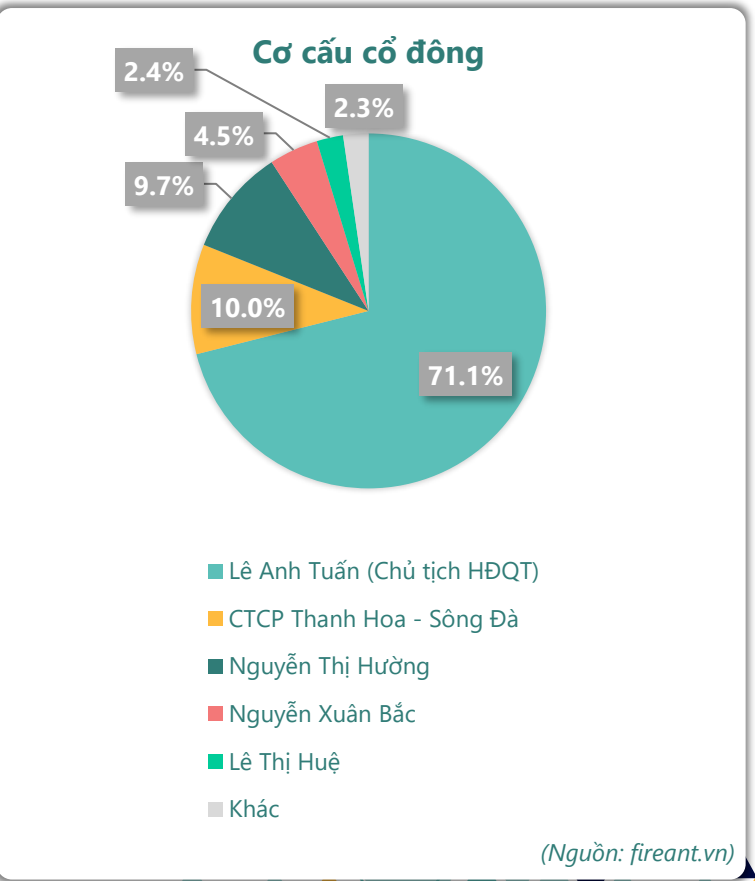
ROE (TTM) Q2/25
2.7%
YoY: +/- ▼ 0.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,094 - 16,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
Số lượng CPLH (CP)	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.18
EPS	378
P/E	43.6

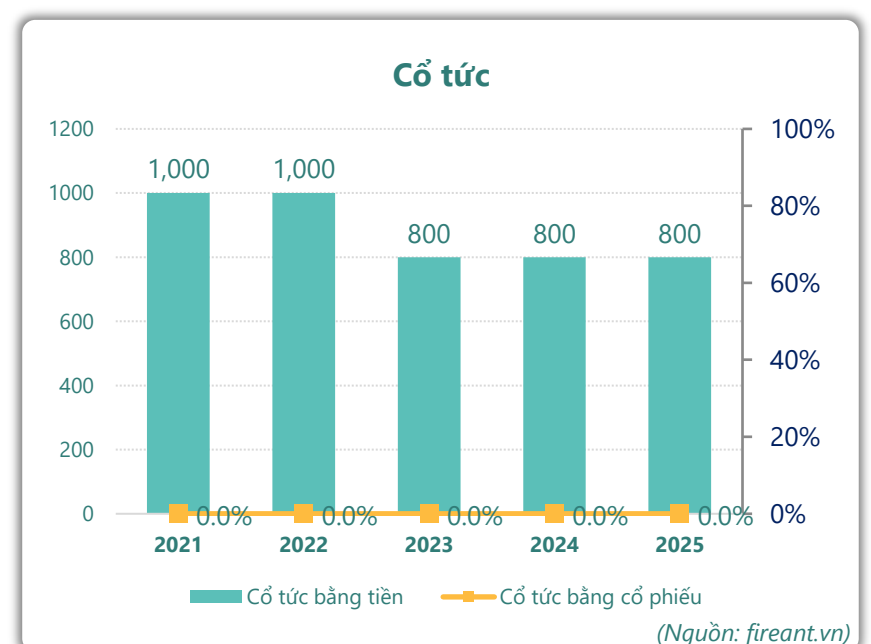
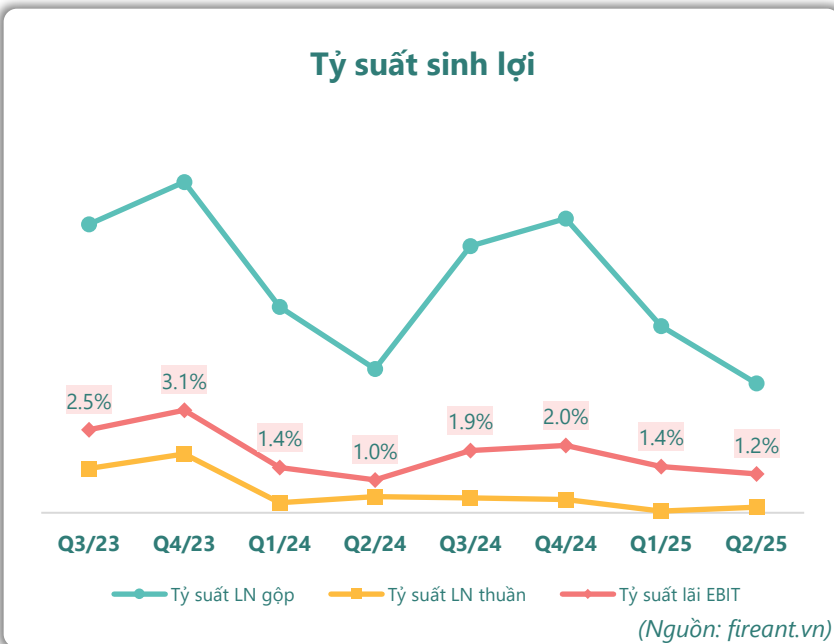
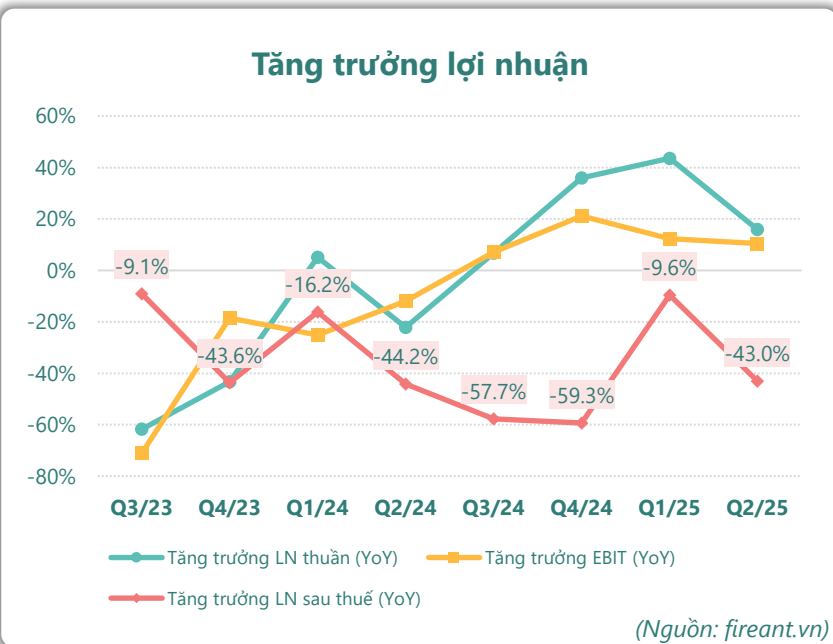
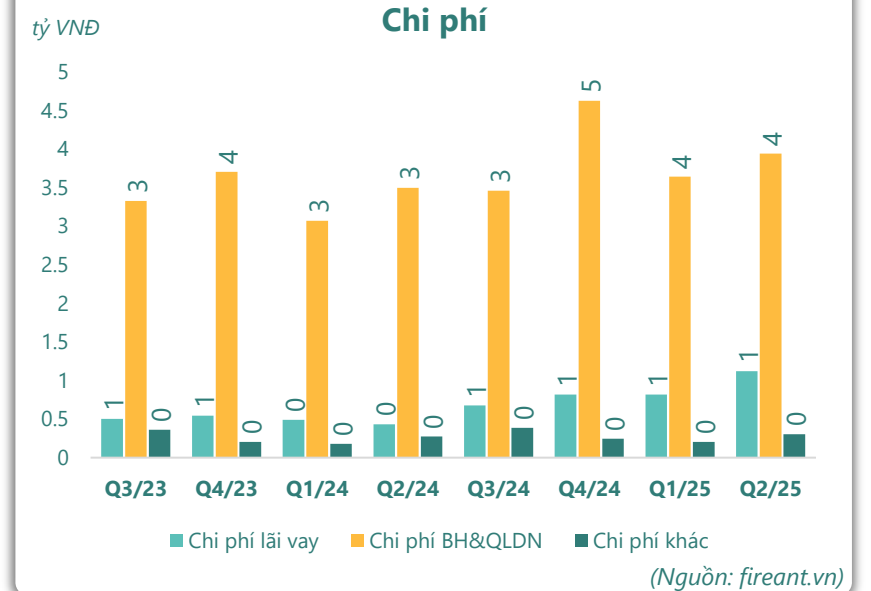
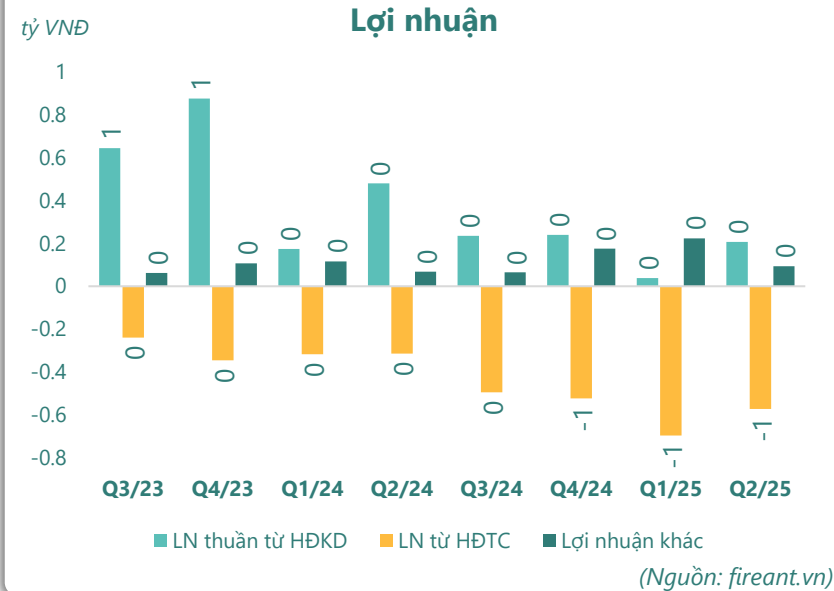
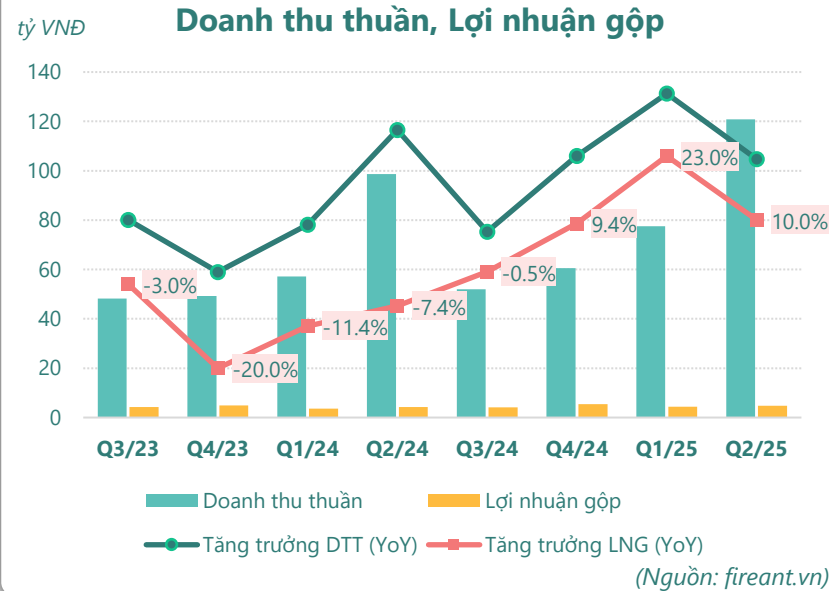
DT thuần 6T 2025
198
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.0 27.2%

LN thuần 6T 2025
0.25
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.40 -62.3%

LN sau thuế 6T 2025
0.45
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.22 -33.0%



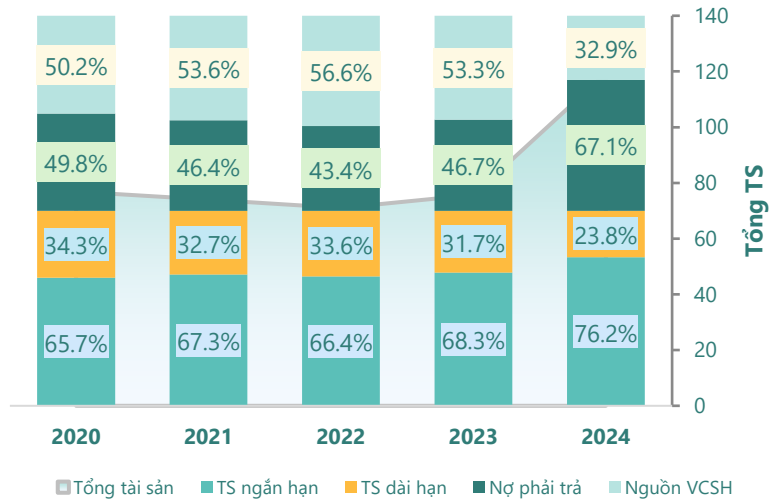
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

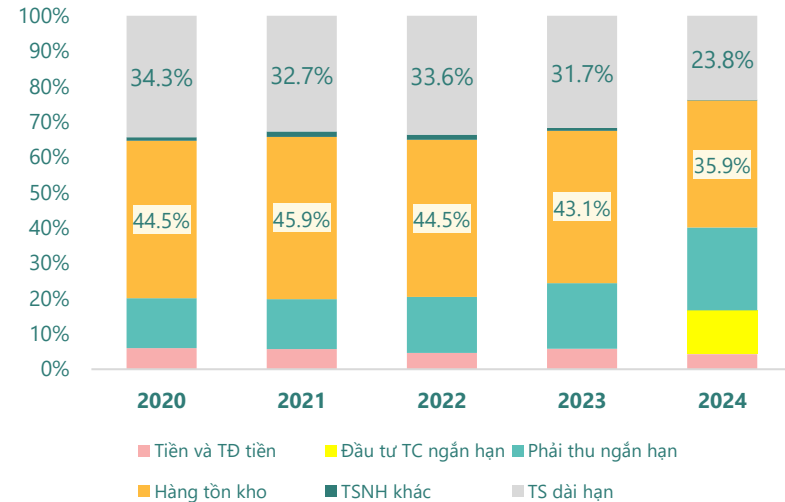
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

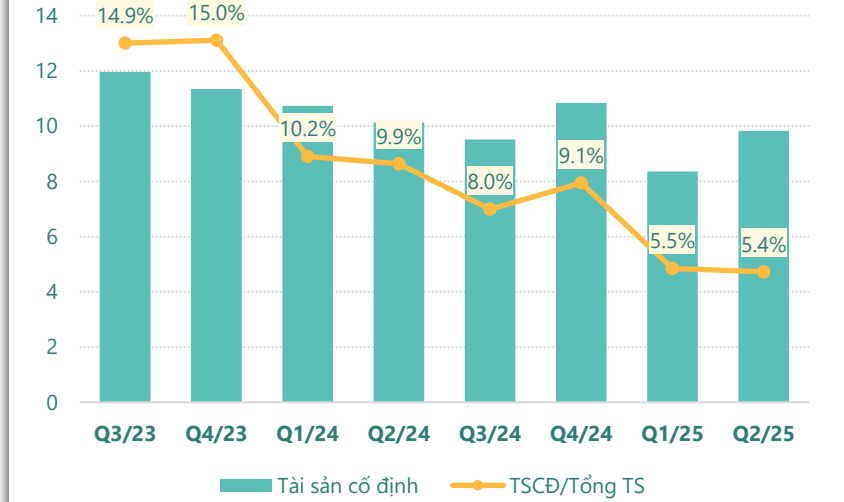
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

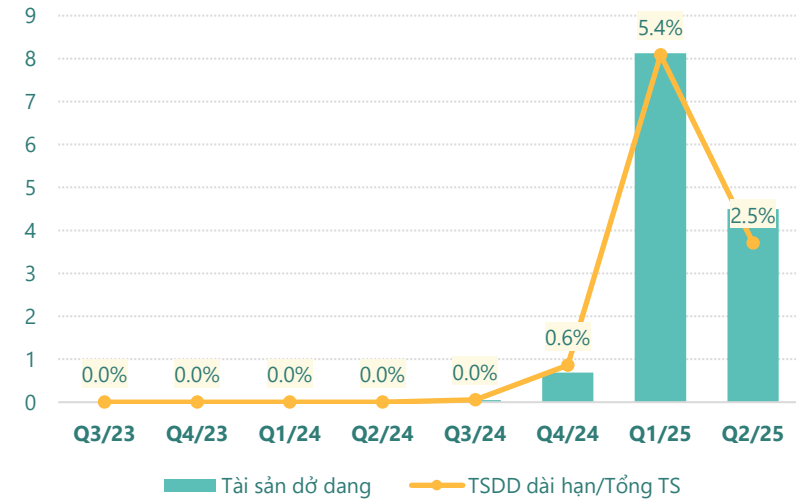
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

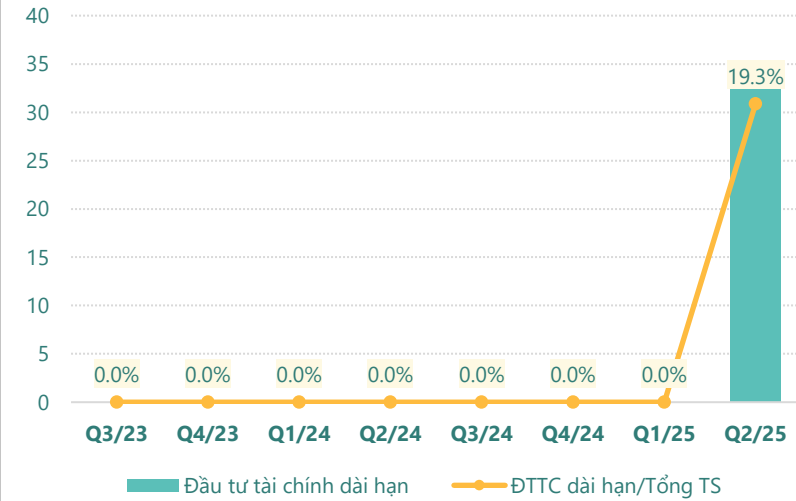
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

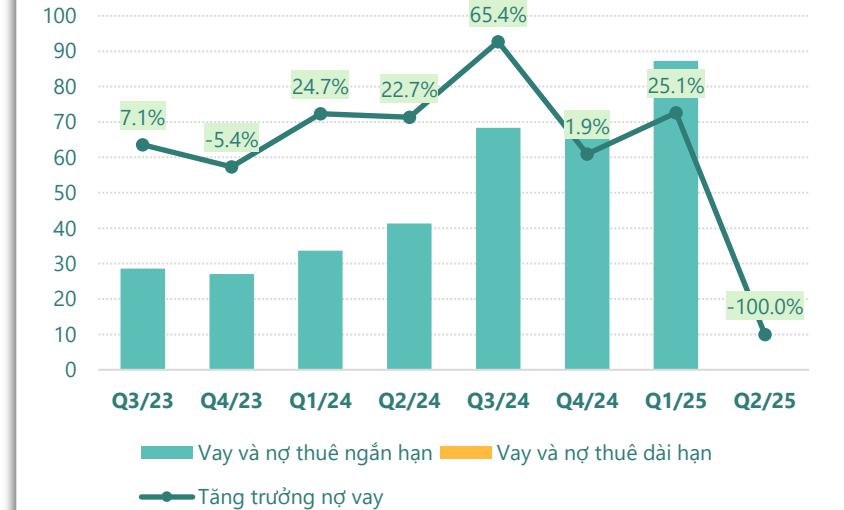
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

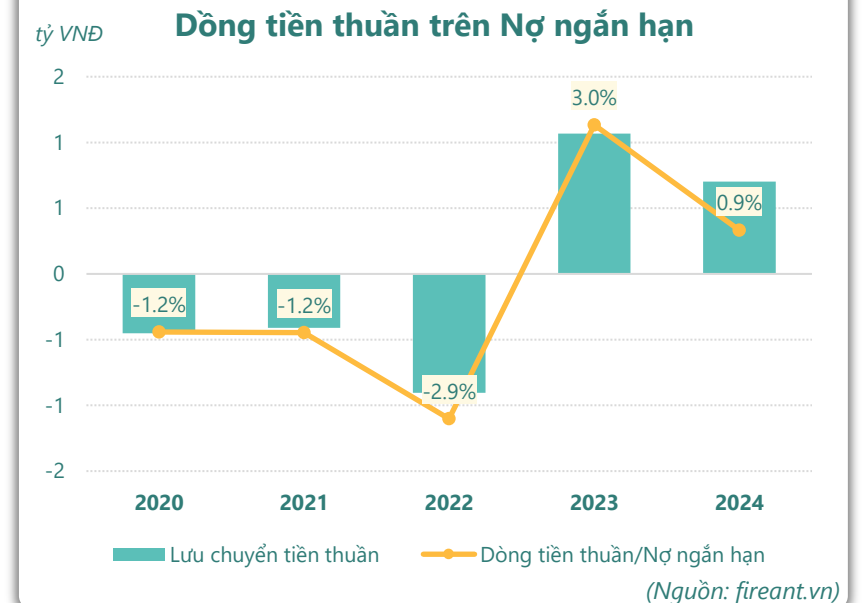
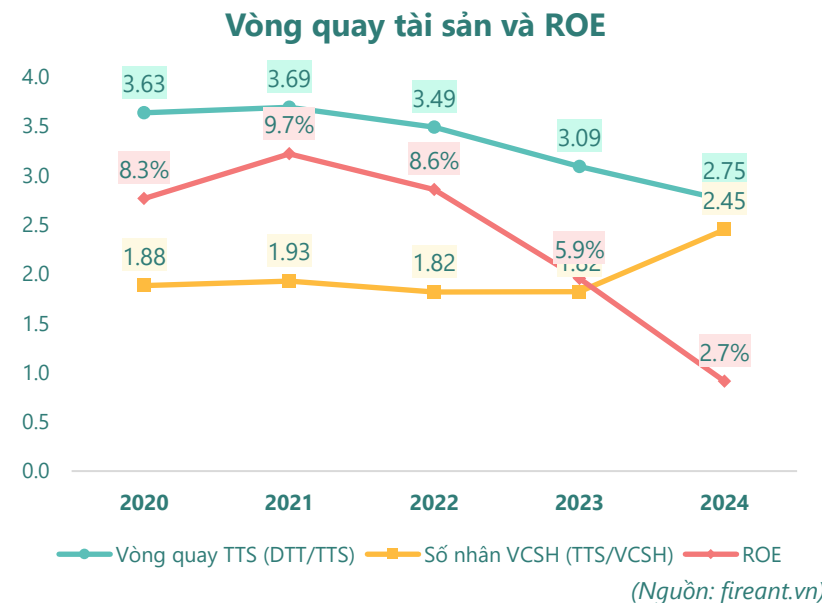
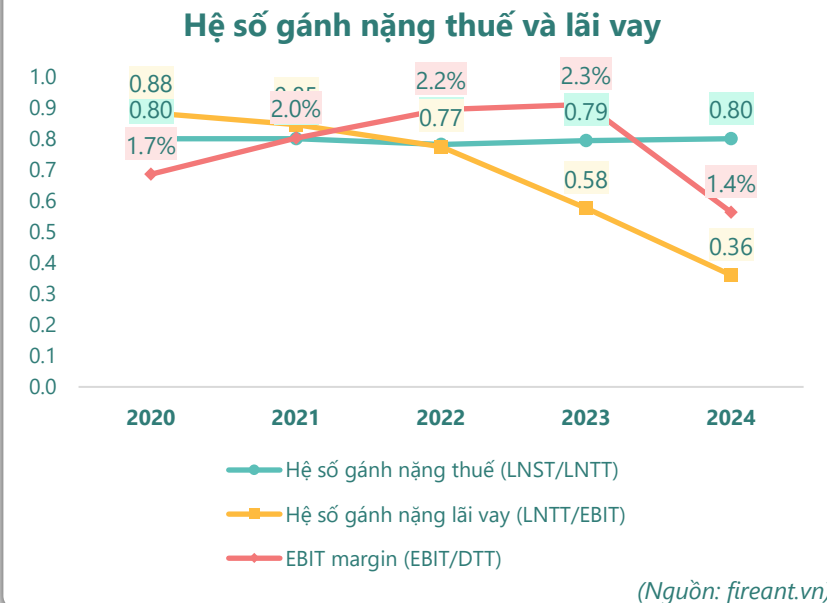
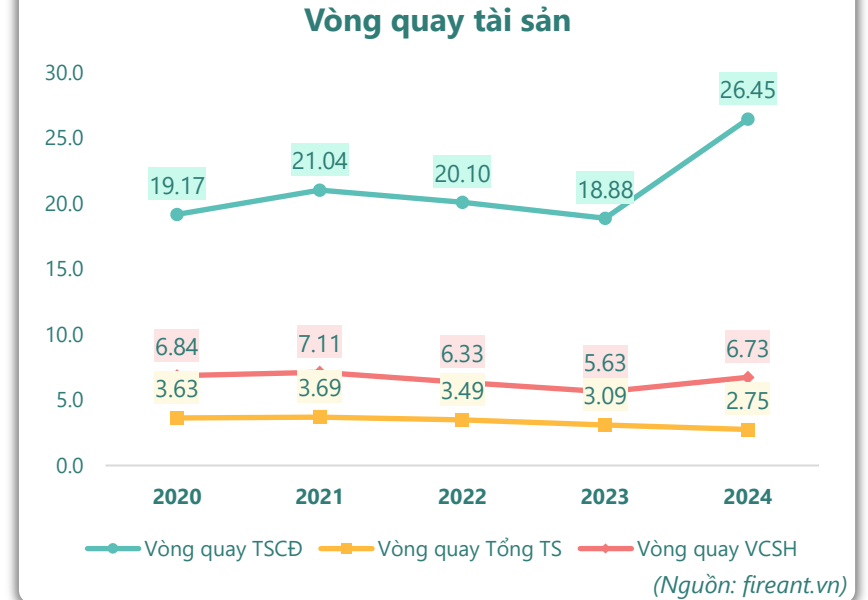
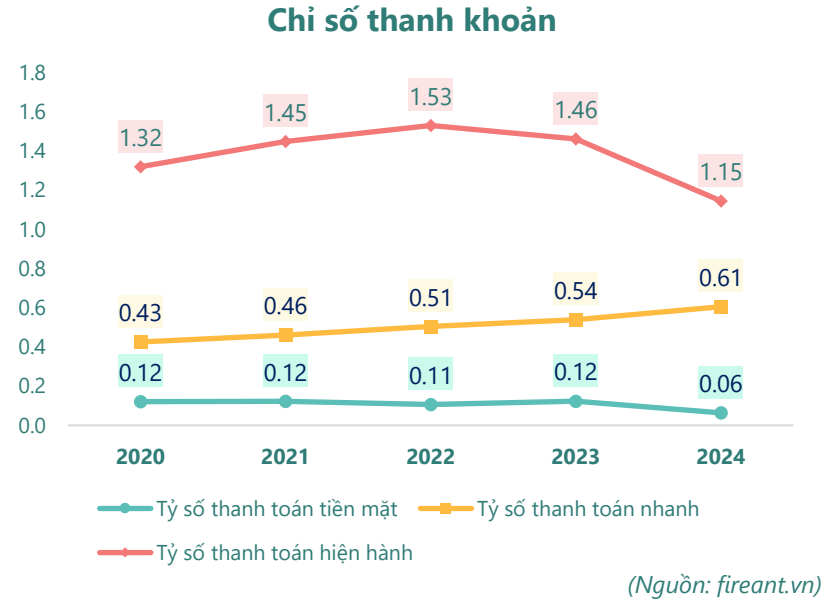
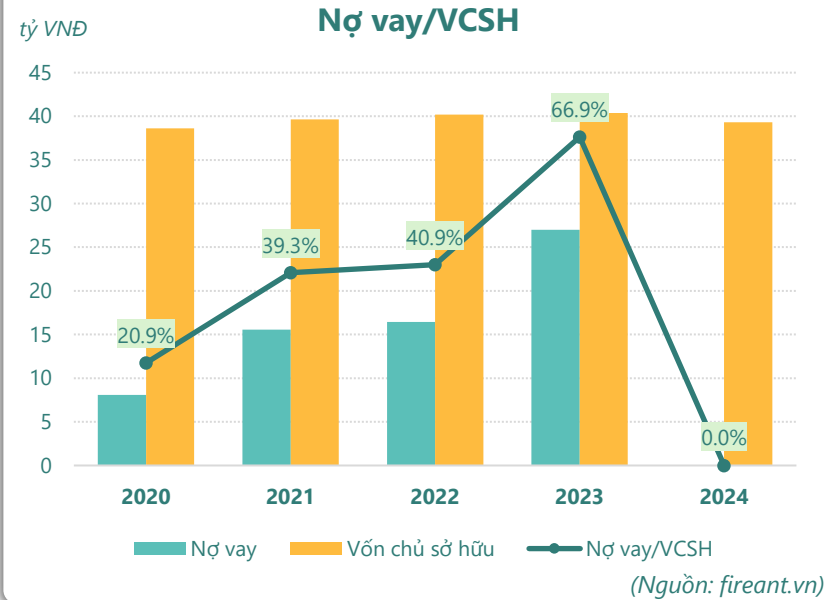
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	121	98.7	22.4%	198	156	27.2%
Giá vốn hàng bán	116	94.4	22.9%	189	148	27.8%
Lợi nhuận gộp	4.72	4.29	10.1%	9.10	7.85	15.9%
Doanh thu HĐTC	0.55	0.12	358%	0.67	0.29	128%
Chi phí TC	1.12	0.43	161%	1.94	0.92	110%
Chi phí lãi vay	1.12	0.43	161%	1.94	0.92	110%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.42	2.48	-2.6%	4.78	4.52	5.7%
Chi phí QLDN	1.53	1.02	49.9%	2.81	2.05	37.1%
LN thuần từ HĐKD	0.21	0.48	-56.8%	0.25	0.65	-62.3%
Lợi nhuận khác	0.09	0.07	34.6%	0.32	0.18	72.1%
LN trước thuế	0.30	0.55	-45.2%	0.56	0.84	-32.7%
Lợi nhuận sau thuế	0.24	0.44	-45.7%	0.45	0.67	-33.0%
LNST của CĐ cty mẹ	0.24	0.44	-45.7%	0.45	0.67	-33.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.78	-5.11	-7.29	1.09	-20.0	25.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.17	0.18	-20.1	-2.61	-0.97	-34.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.67	5.60	26.9	1.32	17.5	13.1
Tiền đầu kỳ	4.36	5.07	5.75	5.26	5.06	1.66
Lưu chuyển tiền thuần	0.71	0.67	-0.49	-0.19	-3.40	3.97
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.07	5.75	5.26	5.06	1.66	5.63

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	182	119	52.5%
Tài sản ngắn hạn	113	91.0	23.8%
Tiền và tương đương tiền	5.63	5.06	11.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.9	14.9	0.0%
Phải thu ngắn hạn	23.5	27.9	-15.7%
Hàng tồn kho	65.2	42.9	52.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.32	0.24	1295%
Tài sản dài hạn	69.4	28.4	144%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.83	8.93	10.0%
Bất động sản đầu tư	17.4	9.77	78.3%
Tài sản dở dang	4.50	7.27	-38.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	35.1	0	
Tài sản dài hạn khác	2.56	2.43	5.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	144	80.0	80.4%
Nợ ngắn hạn	144	79.4	81.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	39.4	9.41	319%
Nợ dài hạn	0.64	0.64	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	37.6	39.3	-4.4%
Vốn chủ sở hữu	37.6	39.3	-4.4%
Vốn điều lệ	30.0	30.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

